

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 31-8-2021.

V/v xin ly hôn, tranh chấp nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Thanh Phong.

+ Bà Đỗ Thị Thanh Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2021, tại Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 30/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 197x;

Địa chỉ: Số 2x, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.
Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phú D.

Địa chỉ: Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Quang Phạm (332 T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.
Vắng mặt lần hai không có lý do tại phiên tòa.

3. Người (Tổ chức) có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum. Do ông Nguyễn Hữu Th - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ làm đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 18c/2021/GUQ-CNKT ngày 04/01/2021).

Địa chỉ: Số 353, đường T, phường Thắng lợi, thành phố K, tỉnh Kon Tum.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Kon Tum; Do ông Ngô Xuân Th - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Kon Tum làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án của Ngân hàng CSXH).

Địa chỉ: Số 20x, đường Võ Nguyên Gi, tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, qua các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn Th trình bày:

Anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nga Ph, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/12/1998. Trong thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, chị H không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Sau khi anh Th nộp đơn khởi kiện tại tòa án, chị H đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, không cung cấp địa chỉ mới để anh liên lạc, anh Th đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không gặp được chị H; chị H cố tình giấu địa chỉ; anh Th đã yêu cầu Tòa án thông báo đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng hiện nay chị H cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Bùi Văn Th làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Có hai con chung là Bùi Văn Ph, sinh ngày 21/12/1999 và Bùi Văn Ch, sinh ngày 25/3/2001. Các con đã trên 18 (mười tám) tuổi, đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 183, tờ bản đồ số: V, diện tích: 182 m², địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum). Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012). Trên đất có xây dựng một căn nhà cấp IV vào năm 2014 với diện tích khoảng 130 m². Hiện giá trị đất và nhà khoảng: 800.000.000 đồng (trong đó giá đất khoảng: 650.000.000 đồng và giá nhà khoảng: 150.000.000 đồng). Anh Bùi Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất. Cụ thể mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất tương đương mỗi người được chia số tiền 400.000.000 đồng.

Về nợ chung: Yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum số tiền 300.000.000 đồng (theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1619500424 ngày 13/7/2016 nợ số tiền: 240.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD1720500256 ngày 24/7/2017 nợ số tiền 60.000.000 đồng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng

nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012.

Yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền 42.000.000 đồng theo số vay vốn số: 4300060561, theo khế ước vay tiền của hộ gia đình số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017.

Yêu cầu chị Đỗ Thị H thanh toán lại số tiền 81.000.000 đồng về khoản tiền anh Th đã trả một phần nợ chung cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ngày 21/6/2021, nguyên đơn anh Bùi Văn Th có đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- **Về tài sản chung:** Anh Bùi Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 183, tờ bản đồ số: V, diện tích: 182 m², địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum). Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012). Trên đất có xây dựng một căn nhà cấp IV vào năm 2014 với diện tích khoảng 130 m². Hiện giá trị đất và nhà khoảng: 800.000.000 đồng (trong đó giá đất khoảng: 650.000.000 đồng và giá nhà khoảng: 150.000.000 đồng). Anh Bùi Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất. Cụ thể mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất tương đương mỗi người được chia số tiền 400.000.000 đồng.

- **Về nợ chung:**

+ Anh Bùi Văn Th không yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum số tiền 300.000.000 đồng (theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1619500424 ngày 13/7/2016 nợ số tiền: 240.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD1720500256 ngày 24/7/2017 nợ số tiền 60.000.000 đồng) Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012; không yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền 42.000.000 đồng theo số vay vốn số: 4300060561 theo khế ước vay tiền của hộ gia đình số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017; không yêu cầu chị Đỗ Thị H thanh toán lại số tiền 81.000.000 đồng về khoản tiền mà anh đã trả một phần nợ chung cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Hiện nay (ngày 18/6/2021), anh Th đã trả nợ xong các khoản vay cả gốc và tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum; đã trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K 12.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng và lãi phát sinh anh Th đã thỏa thuận với Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K để cho anh Th tiếp tục sử dụng

nguồn vốn vay và nhận trả nợ cho ngân hàng không yêu cầu chị Đỗ Thị H phải trả.

Việc anh Bùi Văn Th rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Tòa án đã thông báo cho các đương sự trong vụ án và Viện kiểm sát nhân dân huyện K biết về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình Thc, đó là thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng nhưng chị Đỗ Thị H không có ý kiến gì và vắng mặt lần 2 tại phiên tòa.

- Những người (tổ chức) có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K - Ông Ngô Xuân Th đại diện trình bày: Hiện nay, vợ chồng chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn Th (trú tại chỉ: Số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum) đang còn nợ khoản tiền vay vốn của hộ gia đình theo khế ước vay vốn số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017, số tiền vay tổng cộng là: 30.118.356 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/8/2021 là 118.356 đồng).

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Bùi Văn Th xin được tiếp tục sử dụng vốn vay và nhận trả nợ toàn bộ khoản nợ vay gốc và tiền lãi theo khế ước vay tiền của hộ gia đình theo khế ước vay vốn số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017 khi đến hạn. Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K đồng ý cho cá nhân anh Bùi Văn Th tiếp tục sử dụng nguồn vốn vay và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo khế ước nêu trên khi đến hạn.

+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum - Người đại diện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và tại văn bản số 166/2021/CV-CNKT ngày 21/6/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum thông báo cho Tòa án nhân dân huyện K về việc anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị H đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1619500424 ngày 13/7/2016 và Hợp đồng tín dụng số LD1720500256 ngày 24/7/2017 số tiền còn nợ 60.000.000 đồng. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn anh Bùi Văn Th đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình Thc, đó là thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng nhưng chị Đỗ Thị H không có ý kiến gì. Ngày 16/8/2021 Tòa án mở phiên tòa lần Th nhất và ngày 31/8/2021 mở phiên tòa lần Th hai nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 370 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh Bùi Văn Th được ly hôn chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Có hai con chung là Bùi Văn Ph, sinh ngày 21/12/1999 và Bùi Văn Ch, sinh ngày 25/3/2001. Các con đã trên 18 (mười tám) tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Anh Bùi Văn Th xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung, trả các khoản nợ chung tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và yêu cầu chị H trả lại cho anh Th 81.000.000 đồng trước khi đưa vụ án ra xét xử; chị Đỗ Thị H không có yêu cầu phản tố và Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum không có yêu cầu độc lập, nên đình chỉ giải quyết phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Về khoản nợ chung còn lại tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền vay gốc: 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/8/2021 là 118.356 đồng anh Bùi Văn Th xin tiếp tục sử dụng nguồn vốn vay và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo khế ước khi đến hạn trả. Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch NHCSXH huyện K đồng ý cho cá nhân anh Bùi Văn Th tiếp tục sử dụng nguồn vốn vay và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo khế ước nêu trên khi đến hạn. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Bùi Văn Th và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Về án phí: Buộc anh Bùi Văn Th phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Bùi Văn Th tự nguyện nhận nộp đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua lời khai và yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Vụ án xin ly hôn, tranh chấp khoản nợ chung giữa nguyên đơn anh Bùi Văn Th, bị đơn chị Đỗ Thị H (các đương sự đều cư trú tại số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum) là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị H vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về, không cung cấp địa chỉ mới mà cố tình dấu địa chỉ; Tòa án

nhân dân huyện K đã tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bằng hình Thc, đó là thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng nhưng chị Đỗ Thị H không có ý kiến gì. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị H không đến tham gia phiên tòa ngày 16/8/2021, nên Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 31/8/2021 và tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định và chị H vắng mặt lần Th 2 tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nga Ph, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/12/1998 theo Giấy chứng nhận kết đăng ký kết hôn anh Th giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh Th, chị H chỉ là hợp pháp.

[2.2]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn:* Quá trình chung sống của vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; chị H không quan tâm, chăm sóc gia đình và các con. Anh Th và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và anh Th nhận thấy không thể sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị H. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chính quyền địa phương đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Đối với chị Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị H không đến Tòa để hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ chị H không mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị H thêm trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét việc xin ly hôn của anh Bùi Văn Th đối với chị Đỗ Thị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[2.3]. *Về con chung:* Có hai con chung là Bùi Văn Ph, sinh ngày 21/12/1999 và Bùi Văn Ch, sinh ngày 25/3/2001. Các con đã trên 18 (mười tám) tuổi đã trưởng thành và tự lập được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4]. *Về tài sản chung và khoản nợ chung:* Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ngày 21/6/2021, nguyên đơn anh Bùi Văn Th có đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- **Về tài sản chung:** Anh Bùi Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 183, tờ bản đồ số: V, diện tích: 182 m², địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là số 21, đường V, tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum). Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012). Trên đất có xây dựng một căn nhà cấp IV vào năm 2014 với diện tích khoảng 130 m². Hiện giá trị đất và nhà khoảng: 800.000.000 đồng (trong đó giá đất khoảng: 650.000.000 đồng và giá nhà khoảng: 150.000.000 đồng). Anh Bùi Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất. Cụ thể mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất tương đương mỗi người được chia số tiền 400.000.000 đồng.

- **Về nợ chung:** Anh Bùi Văn Th không yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum số tiền 300.000.000 đồng (theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1619500424 ngày 13/7/2016 nợ số tiền: 240.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD1720500256 ngày 24/7/2017 nợ số tiền 60.000.000 đồng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI 474030 do UBND huyện K cấp ngày 20/9/2012; không yêu cầu chị Đỗ Thị H thanh toán lại số tiền 81.000.000 đồng về khoản tiền mà anh đã trả một phần nợ chung cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Xét việc anh Bùi Văn Th rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia tài sản chung, trả khoản nợ chung như trên là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Tòa án đã thông báo cho các đương sự trong vụ án biết về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu phản tố, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th – Chi nhánh Kon Tum có văn bản tại văn bản số 166/2021/CV-CNKT ngày 21/6/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum thông báo cho Tòa án nhân dân huyện K về việc anh Bùi Văn Th và chị Đỗ Thị H đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1619500424 ngày 13/7/2016 và Hợp đồng tín dụng số LD1720500256 ngày 24/7/2017 và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu chia tài sản chung, trả khoản nợ chung cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và yêu cầu chị Đỗ Thị H thanh toán lại số tiền 81.000.000 đồng về khoản tiền mà anh đã trả một phần nợ chung cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K là phù hợp theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với khoản nợ chung mà anh Bùi Văn Th rút không yêu cầu chị Đỗ Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền 42.000.000 đồng theo sổ vay vốn số: 4300060561, khế ước vay vốn số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017 nhưng ngân hàng có văn bản cho anh Th tiếp tục sử dụng vốn vay và có nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi cho ngân hàng. Hiện nay, anh Th đã trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K 12.000.000 đồng. Còn nợ 30.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Bùi Văn Th xin được tiếp

tục sử dụng vốn vay và nhận trả nợ toàn bộ khoản nợ vay gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo khế ước vay tiền của hộ gia đình số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017 khi đến hạn. Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K đồng ý cho cá nhân anh Bùi Văn Th tiếp tục sử dụng nguồn vốn vay và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo khế ước nêu trên khi đến hạn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa anh Th và ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K và anh Th.

Về án phí: Anh Bùi Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp về yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết các khoản nợ chung do nguyên đơn rút một phần yêu cầu trước khi xét xử.

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Bùi Văn Th nhận chịu và đã nộp đủ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh Bùi Văn Th.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 370 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nợ chung” của anh Bùi Văn Th.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Th được ly hôn với chị Đỗ Thị H.
- Về khoản nợ: Ghi nhận việc Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện K đồng ý cho cá nhân anh Bùi Văn Th được tiếp tục sử dụng nguồn vốn theo khế ước vay tiền của hộ gia đình số: 6600000711598709 ngày 05/12/2017 và có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ theo khế ước nêu trên khi đến hạn.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút trước khi xét xử, cụ thể: Về yêu cầu chia tài sản chung nhà và đất, trả khoản nợ chung cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và yêu cầu chị Đỗ Thị H thanh toán lại số tiền 81.000.000 đồng về khoản tiền mà anh đã trả một phần nợ chung cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th - Chi nhánh Kon Tum và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện K . Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm b, khoản 1 Điều 3, Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Anh Bùi Văn Th chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 23.430.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) mà anh Th đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2010/0006549 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho anh Bùi Văn Th số tiền 23.130.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/8/2021) nguyên đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga Ph;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ